

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2010/TT-BTTTT

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2010***THÔNG TƯ****Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến**

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

QUY ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97) đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ được sử dụng trong Nghị định số 97

1. “Thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội” quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 97 là thông tin được tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin hoặc nhiều loại hình thông tin về một hoặc nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. “Trích dẫn lại thông tin” quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định 97 là trích dẫn nguyên văn, chính xác từ nguồn tin chính thức, không bình luận, bao gồm cả việc ghi rõ tên tác giả, tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đã đăng, phát thông tin đó.

3. “Nguồn tin chính thức” quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 97 là những thông tin đã và đang được đăng, phát trên báo chí Việt Nam hoặc trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước phù hợp với quy định pháp luật về báo chí, về bản quyền.

Điều 3. Quy định chung đối với hoạt động của Trang thông tin điện tử

1. Cơ quan báo chí được thiết lập trang thông tin điện tử trên internet để cung cấp những nội dung thông tin đã được đăng, phát trên báo chí của mình theo đúng tôn chỉ, mục đích quy định trong giấy phép hoạt động báo chí.

Trang thông tin điện tử của cơ quan báo chí được quản lý và cấp phép như đối với trang thông tin điện tử tổng hợp.

2. Các trang thông tin điện tử không phải cấp phép được quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 97 là:

a) Trang thông tin điện tử chỉ cung cấp thông tin tự giới thiệu về hoạt động, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề hoạt động của chính tổ chức, doanh nghiệp, không trích dẫn lại thông tin;

b) Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin được quy định tại Điều 4 Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến phải tiến hành đăng ký theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Trên trang chủ của trang thông tin điện tử phải cung cấp đầy đủ các thông tin: tên của tổ chức quản lý trang thông tin điện tử; địa chỉ địa lý, thư điện tử, số điện thoại liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung. Riêng đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí, trang thông tin

điện tử cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến phải ghi rõ số giấy phép hoặc số đăng ký, ngày, tháng, năm cấp của cơ quan có thẩm quyền.

5. Các trang thông tin điện tử tổng hợp khi trích dẫn lại thông tin phải tuân theo quy định về nguồn tin được quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 97 và khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư này, không đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được trích dẫn.

6. Các tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử và sử dụng Internet để cung cấp dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 97 nếu có cung cấp thông tin tổng hợp về một trong những lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thì phải xin cấp phép như đối với trang thông tin điện tử tổng hợp;

7. Trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến muốn ngừng hoạt động phải thông báo (trước 10 ngày làm việc) bằng văn bản cho cơ quan cấp phép, cơ quan cấp đăng ký.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 6 Nghị định số 97 đối với hoạt động thiết lập, sử dụng trang thông tin điện tử

1. Lợi dụng trang thông tin điện tử để cung cấp, truyền đi, quảng cáo hoặc đặt đường liên kết trực tiếp đến những thông tin vi phạm các quy định tại Điều 6 Nghị định số 97.

2. Tạo trang thông tin điện tử giả mạo cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác; thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

3. Truyền bá tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm vi phạm các quy định của pháp luật.

4. Sử dụng những thông tin, hình ảnh của cá nhân vi phạm các quy định tại Điều 31, Điều 38 Bộ luật Dân sự.

5. Sử dụng, cung cấp thông tin vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, về giao dịch thương mại điện tử và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

6. Miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, bạo lực, giết người rùng rợn; đăng, phát các hình ảnh phản cảm, thiếu tính nhân văn; cung cấp nội dung, hình ảnh, tranh khỏa thân có tính chất kích dâm, thiếu thẩm mỹ, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục Việt Nam.

Điều 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet quy định tại Điều 7, Nghị định số 97 liên quan đến trang thông tin điện tử

1. Từ chối cung cấp dịch vụ internet đối với các tổ chức, cá nhân thiết lập trang thông tin điện tử vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 4 Thông tư này khi có

yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet tự phát hiện nội dung thông tin vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 4 Thông tư này thì tạm ngừng cung cấp dịch vụ và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước xử lý.

2. Ngăn chặn những trang thông tin điện tử vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cung cấp thông tin có liên quan tới trang thông tin điện tử vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Xây dựng quy trình quản lý thông tin phù hợp với quy mô hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp do tổ chức, doanh nghiệp quản lý, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Ngăn chặn và loại bỏ những nội dung thông tin vi phạm các quy định tại Điều 4 Thông tư này ngay khi tự phát hiện hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện theo đúng quy định về nguồn tin tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này khi cung cấp thông tin tổng hợp và phù hợp với các quy định của pháp luật về bản quyền.

4. Lưu trữ thông tin tối thiểu trong 90 ngày kể từ thời điểm thông tin được đăng, phát trên trang thông tin điện tử của mình.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

6. Có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến

1. Xây dựng và công khai quy chế cung cấp, trao đổi thông tin trên trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến của doanh nghiệp, bảo đảm không vi phạm các quy định của pháp luật và quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Xây dựng quy trình quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về các thành viên tham gia phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp quản lý.

3. Có biện pháp kỹ thuật và quy trình quản lý để chủ động thực hiện việc ngăn chặn và loại bỏ những nội dung thông tin vi phạm các quy định tại Điều 4 Thông tư này ngay khi tự phát hiện hoặc nhận được phản ánh của người sử dụng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cung cấp thông tin có liên quan đến nội dung thông tin vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư này theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

6. Có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 8. Điều kiện và hồ sơ cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Điều kiện cấp phép

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử xin cấp phép;

b) Có đủ phương tiện kỹ thuật, nhân sự, chương trình quản lý thông tin phù hợp với quy mô hoạt động, bảo đảm việc cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 6 Nghị định 97 và Điều 4 Thông tư này.

c) Người chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Là người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp hoặc là người được người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp ủy quyền;

- Có quốc tịch Việt Nam và có địa chỉ thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam;

- Tốt nghiệp đại học.

2. Hồ sơ cấp phép

Hồ sơ cấp phép được lập thành 02 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử có nội dung cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định tại Thông tư này theo mẫu thống nhất ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu số 01);

b) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp) Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Đầu tư); Quyết định thành

lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp) có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử xin cấp phép và kèm theo văn bản chấp thuận của cơ quan chủ quản (nếu có); Giấy phép hoạt động báo chí (đối với cơ quan báo chí);

c) Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao có chứng thực) và sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có ảnh và dấu giáp lai;

d) Đề án thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp có những nội dung chính quy định tại điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 97. Trường hợp sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thì tên miền này phải còn thời hạn sử dụng ít nhất 6 tháng tại thời điểm xin cấp phép. Trường hợp sử dụng tên miền quốc tế thì tên miền này đã được thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

đ) Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin.

Điều 9. Điều kiện, hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến

1. Điều kiện đăng ký:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có đủ phương tiện kỹ thuật, nhân sự, chương trình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động bảo đảm cho việc cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến không vi phạm các quy định tại Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này;

c) Có ngành nghề kinh doanh hoặc có chức năng, nhiệm vụ phù hợp;

d) Có tên miền hợp lệ;

đ) Cam kết của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp hoàn toàn bảo đảm cho việc cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến không vi phạm các quy định tại Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký:

a) Đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, có nội dung cam kết tuân thủ các quy định của Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định tại Thông tư này (Mẫu số 02);

b) Bản sao có công chứng Quyết định thành lập (đối với tổ chức), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư có ngành nghề kinh doanh phù hợp (đối với doanh nghiệp);

c) Quy chế cung cấp, trao đổi thông tin trên trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến của tổ chức, doanh nghiệp bảo đảm không vi phạm các quy định tại Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này;

d) Đề án cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến bảo đảm các yêu cầu sau:

- Loại hình dịch vụ (trò chuyện trực tuyến, tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn và các hình thức tương tự khác cho phép người sử dụng tương tác, chia sẻ, trao đổi thông tin với nhau);

- Quy trình quản lý thông tin phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ do tổ chức, doanh nghiệp quản lý;

- Biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ, nhân sự, chương trình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động bảo đảm cho việc cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến không vi phạm các quy định tại mục 3 Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

đ) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm có xác nhận của người đứng đầu tổ chức hoặc của cơ quan có thẩm quyền (đối với doanh nghiệp);

e) Trường hợp sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Điều 10. Thẩm quyền và quy trình cấp phép, xác nhận đăng ký

1. Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

a) Tiếp nhận, thẩm định và cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp của các tổ chức sau:

- Tổ chức ở Trung ương;

- Tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

- Các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện tổ chức phi Chính phủ, tổ chức kinh tế, văn hóa, khoa học của nước ngoài và các tổ chức có yếu tố nước ngoài khác có đại diện hợp pháp hoạt động tại Việt Nam.

b) Thẩm định và cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp của các tổ chức trong nước, doanh nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước của địa phương cấp phép hoặc cấp đăng ký hoạt động, trừ thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tiếp nhận, thẩm định và cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí Trung ương;

d) Thẩm định và cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí địa phương;

đ) Tiếp nhận, thẩm định và cấp đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến của các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài có đại diện pháp nhân tại Việt Nam.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp của các tổ chức trong nước, doanh nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước của địa phương cấp phép hoặc cấp đăng ký hoạt động, hồ sơ đăng ký cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí của địa phương và có văn bản (kèm hồ sơ) đề nghị Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp phép.

3. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

a) Tiếp nhận, thẩm định và cấp phép đối với hồ sơ xin cấp phép trang thông tin điện tử tổng hợp của các tổ chức trong nước do cơ quan quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cấp phép hoạt động, doanh nghiệp trong và ngoài nước có đăng ký trụ sở hoạt động tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này);

b) Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử của các cơ quan báo chí của địa phương và có văn bản (kèm hồ sơ) đề nghị Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp phép.

4. Thời hạn xử lý hồ sơ

a) Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử của cơ quan báo chí, cấp đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 21 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 97;

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (trừ hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này), hồ sơ xin cấp phép trang thông tin điện tử của

cơ quan báo chí, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ xin cấp phép và chuyển hồ sơ đến Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử đề nghị xem xét, cấp phép. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo và nêu rõ lý do;

c) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét duyệt hồ sơ đối với các hồ sơ xin cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp thuộc thẩm quyền cấp phép quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này. Trong trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

5. Thẩm quyền bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép

a) Cơ quan cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có thẩm quyền quyết định việc bổ sung, sửa đổi, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định số 97;

b) Trong trường hợp phát hiện sai phạm trong quá trình cấp phép và hoạt động cung cấp thông tin, Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có thẩm quyền quyết định việc thu hồi giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp của các tổ chức, doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi cấp phép quy định tại khoản 3 Điều 9, Thông tư này, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm gửi một (01) bản giấy phép về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) để báo cáo.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Các tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 12 tháng một lần và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nội dung báo cáo định kỳ bao gồm:

- Tên tổ chức, ngày, tháng, năm và ký hiệu giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Nội dung thông tin đang cung cấp, các chuyên mục;

- Danh mục nguồn tin;

- Nhân sự và các biện pháp quản lý thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp.

c) Doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp có trách nhiệm gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến:

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nội dung báo cáo định kỳ bao gồm:

- Tên tổ chức, ngày, tháng, năm và ký hiệu văn bản xác nhận đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Các loại hình dịch vụ đang cung cấp;

- Số lượng thành viên sử dụng các dịch vụ của doanh nghiệp đang quản lý và các dữ liệu thống kê theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến có cung cấp dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân có trách nhiệm gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 và trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

3. Địa chỉ gửi báo cáo:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Email: cucptth&ttdt@mic.gov.vn

- Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.

4. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ 3 tháng một lần với Bộ Thông tin và Truyền thông (trước ngày thứ 10 của mỗi Quý trong năm) về hoạt động quản lý nhà nước về thông tin điện tử trên Internet tại địa phương.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2010.

2. Các trang thông tin điện tử đã được cấp phép theo Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và Quyết định số 27/2002/QĐ-BVHTT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế quản lý và cấp giấy phép cung

cấp thông tin, thiết lập trang tin điện tử trên Internet nêu cung cấp nội dung thông tin tổng hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này thì phải tiến hành xin cấp giấy phép theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để được xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Quý Doãn